

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ Y – DƯỢC VIỆT NAM



CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ Y DƯỢC
VIỆT NAM

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Trường Cao đẳng Công nghệ Y - Dược Việt Nam

Tên ngành, nghề: Y sĩ đa khoa

Mã ngành, nghề: 6720101

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Y sĩ đa khoa trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề khám chữa bệnh ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Giúp sinh viên áp dụng sự hiểu biết về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để xác định tình trạng sức khỏe, thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác một số/các bệnh lý thông thường.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức:

- Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe toàn diện và hợp lý, theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm. Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị người bệnh phù hợp với vai trò, nhiệm vụ ở tuyến Y tế cơ sở, đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh.

- Tham gia quản lý công tác điều trị chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, môi trường chăm sóc, thiết bị y tế và các nguồn lực khác ở tuyến Y tế cơ sở để điều trị, chăm sóc người bệnh an toàn, chất lượng, hiệu quả và hài lòng.

- Áp dụng được những kiến thức cơ bản, cơ sở để giải thích các triệu chứng bệnh lý của người bệnh.

- Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán các tình trạng bệnh lý.

- Áp dụng được các phương pháp, các kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh.

1.2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng được các kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.

- Hợp tác với các thành viên trong nhóm, sử dụng được các kỹ năng giao tiếp, các phương tiện truyền thông phù hợp để thiết lập mối quan hệ, giao tiếp có hiệu quả, cung

cấp các thông tin về sức khỏe; giáo dục sức khỏe cho cán bộ y tế, người bệnh, gia đình và cộng đồng.

- Tham gia nghiên cứu khoa học, thực hành dựa vào bằng chứng, áp dụng cải tiến chất lượng trong điều trị, chăm sóc người bệnh.

- Chỉ định và phân tích được kết quả xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản; Chuẩn đoán được một số bệnh thông thường.

- Lập được hồ sơ bệnh án ở các phòng chức năng.

- Áp dụng và thực hiện được các kỹ thuật, thủ thuật trong lâm sàng.

- Sử dụng thành thạo các thiết bị trong đơn vị.

- Có khả năng làm việc trong các vị trí khác nhau trong đơn vị.

1.2.3. Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm

- Thể hiện được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin nhằm duy trì và phát triển chuyên môn cho bản thân và đồng nghiệp trên cơ sở có tư duy phản biện/phê phán.

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Có tinh thần tôn trọng, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp, bệnh nhân và gia đình họ trong quá trình chăm sóc sức khỏe;

- Trung thực, khách quan, luôn cố gắng học tập vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn.

2. Địa điểm thực hành: Sinh viên tham gia thực hành tại các phòng chức năng, phòng thực hành tại trường, thực hành lâm sàng tại Bệnh viện và thực hành tại trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh.

3. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo thực hành:

- Số lượng môn học/mô đun	: 31 môn học/Mô đun
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng đào tạo thực hành	: 83 Tín chỉ (2310 giờ)
- Khối lượng kiến thức học lý thuyết	: 451 giờ
- Khối lượng kiến thức học thực hành	: 945 giờ
- Khối lượng kiến thức kiểm tra/thi	: 1744 giờ

4. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1.	NLCB-01	Áp dụng các kiến thức về chính trị
2.	NLCB-02	Áp dụng các kiến thức về pháp luật
3.	NLCB-03	Duy trì sức khỏe

4.	NLCB-04	Áp dụng các kiến thức về an ninh quốc phòng
5.	NLCB-05	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản
6.	NLCB-06	Sử dụng tiếng Anh giao tiếp cơ bản
II Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)		
1.	NLCL-01	Phát triển vốn từ vựng chuyên ngành
2.	NLCL-02	Trình bày được đặc điểm của sinh vật học, khả năng gây bệnh, đặc điểm bệnh học, đường xâm nhập và tác hại và phân loại Vi sinh, ký sinh trùng.
3.	NLCL-03	Trình bày được những vấn đề cơ bản về sinh lý bệnh và miễn dịch; Phân tích và giải thích được cơ chế bệnh sinh của một số bệnh thường gặp và mối liên quan với quá trình điều trị và phòng bệnh.
4.	NLCL-04	Trình bày được cấu tạo, tính chất lý hóa, vai trò của các hợp chất hữu cơ cấu tạo nên cơ thể người; các chất hữu cơ diễn ra trong cơ thể người; chức năng hóa sinh tiêu biểu của một số cơ quan trong cơ thể.
5.	NLCL-05	Nắm được vị trí, hình thể, cấu tạo của các cơ quan trong cơ thể người trên mô hình sấn có và trên người
6.	NLCL-06	Nắm được cơ chế tác dụng, đặc điểm tác dụng của các nhóm thuốc; nhận dạng được và hướng dẫn sử dụng đúng các thuốc theo dạng bào chế.
7.	NLCL-07	Nắm được các quy trình kỹ thuật cơ bản chăm sóc người bệnh; cấp cứu thường gặp
8.	NLCL-08	Nắm được nội quy, quy chế các khoa phòng bệnh viện, kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện. Biết cách giao tiếp, tiếp đón người bệnh đúng quy định.
9.	NLCL-09	Trình bày được các yếu tố chính tác động đến tâm lý người cao tuổi, tầm quan trọng của tác động tâm lý tới sức khỏe.
10.	NLCL-10	Trình bày được những kiến thức khái quát về giao tiếp và giáo dục sức khỏe. Các kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân
11.	NLCL-11	Phân tích được tác hại của các yếu tố môi trường đến sức khỏe con người, nguyên nhân và biện pháp kiểm chế ô nhiễm môi trường.
Năng lực nâng cao		

1.	NLNC-01	Biết cách tư vấn cho người bệnh cách sử dụng thuốc an toàn, hợp lý. Cách Tư vấn được cho NB cách phòng và điều trị bệnh nội khoa hô hấp – tuần hoàn.
2.	NLNC-02	Nắm được kiến thức về giải phẫu, sinh lý, vi sinh vật để phát hiện triệu chứng và các vấn đề sức khỏe hệ tiêu hóa, tiết niệu trong các tình huống dạy học
3.	NLNC-03	Giải thích được nguyên nhân, cơ chế gây bệnh và triệu chứng bệnh nội tiết – chuyển hóa, triệu chứng bệnh về máu, bệnh về cơ xương khớp, thần kinh, truyền nhiễm thường gặp trong tình huống lâm sàng cụ thể.
4.	NLNC-04	Có kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh hô hấp - tuần hoàn
5.	NLNC-05	Có kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh tiêu hóa - tuần hoàn
6.	NLNC-06	Có kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh về máu, nội tiết chuyển hóa, cơ xương khớp, truyền nhiễm, thần kinh;
7.	NLNC-07	Có kiến thức cơ bản về Ung thư: Định nghĩa, đặc điểm tế bào ung thư, các nguyên nhân gây ung thư. Các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng chính để chẩn đoán và phân chia giai đoạn bệnh ung thư.
8.	NLNC-08	Nắm các triệu chứng và dấu hiệu bệnh lý, từ đó đưa ra các lập luận chẩn đoán được người bệnh mắc các bệnh lý sinh sản thường gặp.
9.	NLNC-09	Hiểu được kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh sản phụ khoa.
10.	NLNC-10	Trình bày được những nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam hiện hành trong một số hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân
11.	NLNC-11	Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về khái niệm cơ bản về thống kê y học, các khái niệm liên quan đến tập mẫu thống kê, lý thuyết ước lượng, kiểm định (so sánh) giả thuyết
12.	NLNC-12	Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của các bệnh lý hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn, tiết niệu để lập luận đưa ra chẩn đoán, biện pháp điều trị phù hợp với trẻ.
13.	NLNC-13	Có các kỹ năng nhận định, đánh giá và thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh lý nhi khoa một cách thành thạo
14.	NLNC-14	Có các kỹ năng sơ cứu ban đầu để phát hiện, xử trí ban đầu và chuyển lên tuyến trên kịp thời, an toàn những trường hợp cấp cứu

15.	NLNC-15	Biết cách theo dõi, phát hiện và xử trí được các tai biến có thể xảy ra trong và sau khi thực hiện kỹ thuật cấp cứu trên người bệnh cụ thể. Thực hiện nhận định và phân loại được người bệnh cấp cứu đúng quy định
16.	NLNC-16	Áp dụng kiến thức về giải phẫu, sinh lý, nguyên nhân, triệu chứng bệnh lý y học cổ truyền- phục hồi chức năng để chẩn đoán được người bệnh mắc các bệnh lý y học cổ truyền- phục hồi chức năng thường gặp trong tình huống lâm sàng cụ thể.
17.	NLNC-17	Nắm được các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh chuyên ngành YHCT-PHCN
18.	NLNC-18	Giải thích được những cơ chế bệnh sinh gây ra các bệnh lý mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, da liễu thường gặp. Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng của người bệnh khi mắc các bệnh lý mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt da liễu thường gặp và chẩn đoán, đưa ra hướng điều trị và điều trị cụ thể cho NB.
19.	NLNC-19	Nắm được các kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt.
20.	NLNC-20	Trình bày được các khái niệm cơ bản và các nguyên lý của Y học gia đình; các yêu cầu đạo đức trong Y học gia đình. Phân tích được mối liên quan giữa vòng đời người và gia đình với sức khỏe, bệnh tật và áp dụng trong chăm sóc sức khỏe.
21.	NLNC-21	Trình bày được những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng: Thăm hộ gia đình, Lập kế hoạch giải quyết các vấn đề sức khỏe của cộng đồng.
22.	NLNC-22	Có kiến thức về giải phẫu, sinh lý, nguyên nhân, triệu chứng bệnh lý phục hồi chức năng để chẩn đoán được người bệnh mắc các bệnh lý PHCN hay gặp cộng đồng trong tình huống lâm sàng cụ thể.
23.	NLNC-23	Có các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh chuyên ngành PHCN dựa vào cộng đồng
24.	NLNC-24	Phân tích được các yếu tố của quá trình dịch các bệnh truyền nhiễm, lao, tâm thần kinh và nguyên lý phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng. Phân tích được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh truyền nhiễm, lao, tâm thần kinh thường gặp tại tuyến cơ sở

5. Nội dung chương trình đào tạo thực hành:

	TÊN MÔN HỌC	Tổng	Thời gian học tập (giờ)

MÃ MÔN HỌC		Số tín chỉ	Số tiết	Trong đó		
				LT	TH	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương					
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH05	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh cơ sở)	4	120	42	72	6
MH06	Tin học	3	75	15	58	2
II.	Các môn học chuyên ngành					
II.1	Môn học cơ sở					
MĐ 01	Tiếng Anh chuyên ngành	3	60	29	28	3
MĐ 02	Vi sinh – ký sinh	2	45	14	29	2
MĐ 03	Sinh lý bệnh miễn dịch	2	45	14	29	2
MĐ 04	Hoá sinh	2	45	14	29	2
MĐ 05	Giải phẫu sinh lý	3	60	29	28	3
MĐ 06	Dược lý	3	60	29	28	3
MĐ 07	Kỹ thuật điều dưỡng	3	60	29	28	3
MĐ 08	Thực hành Lâm sàng Kỹ thuật điều dưỡng	2	60	0	60	0
II.2	Môn học chuyên môn ngành					
MĐ 10	Bệnh học người lớn 1	3	60	30	25	5
MĐ 11	Bệnh học người lớn 2	3	60	30	25	5
MĐ 12	Bệnh học người lớn 3	4	75	45	25	5
MĐ 13	Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 1	3	90	0	85	5
MĐ 14	Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 2	3	90	0	85	5

MĐ 15	Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 3	3	90	0	85	5
MĐ 16	Sản	3	60	30	25	5
MĐ 17	Thực hành lâm sàng Sản	2	60	0	55	5
MĐ 18	Thống kê y học - Nghiên cứu khoa học	2	45	15	28	2
MĐ 19	Nhi	2	45	15	28	2
MĐ 20	Thực hành lâm sàng Nhi	2	60	0	55	5
MĐ 21	Cấp cứu - cấp cứu ngoại viện	2	45	15	28	2
MĐ 22	Lâm sàng Cấp cứu, cấp cứu ngoại viện	2	60	0	55	5
MĐ 23	Lâm sàng Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	2	60	0	55	5
MĐ 25	Lâm sàng Bệnh chuyên khoa	3	90	0	85	5
MĐ 28	Thực tập Lâm sàng nghề nghiệp	3	135	0	130	5
MĐ 29	Khóa luận tốt nghiệp/Học môn thay thế	5	300	15	285	0
II.3	Mô đun/môn học tự chọn					
Nhóm 1-Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng						
MĐ 26	Lâm sàng Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	60	0	55	5
Nhóm 2- Bệnh chuyên khoa nâng cao						
MĐ 27	Lâm sàng Bệnh chuyên khoa	2	60	0	55	5

6. Hướng dẫn sử dụng chương trình

Trường Cao đẳng Công nghệ Y – Dược Việt Nam phối hợp với Bệnh viện 199 – Bộ Công An xây dựng và triển khai thực hiện chương trình đào tạo thực hành, kế hoạch

đào tạo thực hành đảm bảo mục tiêu, nội dung, tiến trình đào tạo, phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra đánh giá mỗi mô đun học thực hành tại các cơ sở y tế.

6.1. Xác định nội dung và thời gian dành cho khóa học

* Về giờ học:

- | | | |
|---------------------------------|---|-------------------|
| - 1 tiết học lý thuyết | = | 45 phút |
| - 1 tiết học thực hành/tích hợp | = | 60 phút |
| - 1 tín chỉ lý thuyết | = | 15 giờ |
| - 1 tín chỉ thực hành | | |
| (tại cơ sở và bệnh viện...) | = | Từ 30 đến 60 giờ. |

Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ. Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ. Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

* **Kế hoạch giảng dạy và quỹ thời gian đối với thực hành tại trường:** Các môn học thực hành có số giờ học thực hành tương ứng được bố trí tại các phòng chức năng, phòng thực hành tại trường với thời lượng tùy thuộc vào nội dung môn học, số giờ thực hành/môn mà bố trí thời gian thích hợp.

* **Kế hoạch giảng dạy và quỹ thời gian đối với Giáo dục Quốc phòng – An ninh:**
2 tuần

* **Kế hoạch giảng dạy và quỹ thời gian đối với các môn thực hành lâm sàng bệnh viện**

- | | |
|---|---------|
| - Thực hành lâm sàng Kỹ thuật Điều dưỡng: | 1 tuần. |
| - Thực hành lâm sàng Bệnh học người lớn 1: | 2 tuần. |
| - Thực hành lâm sàng Bệnh học người lớn 1: | 2 tuần. |
| - Thực hành lâm sàng Bệnh học người lớn 1: | 2 tuần. |
| - Thực hành lâm sàng Sản: | 1 tuần. |
| - Thực hành lâm sàng Nhi: | 1 tuần. |
| - Thực hành lâm sàng cấp cứu, cấp cứu ngoại viện: | 1 tuần. |
| - Thực hành lâm sàng Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng: | 1 tuần. |
| - Thực hành lâm sàng Bệnh chuyên khoa: | 2 tuần. |
| - Thực hành lâm sàng phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng/lâm sàng bệnh | |

chuyên khoa: 1 tuần.

- | | |
|----------------------------------|---------|
| - Thực tập lâm sàng nghề nghiệp: | 4 tuần. |
| - Thực tập tốt nghiệp: | 8 tuần. |

Chương trình chi tiết đính kèm)

Thực hành tiền lâm sàng (skillslab) và thực hành bệnh viện: Các môn học/học phần lâm sàng, cơ sở đào tạo phải tổ chức cho sinh viên thực hành tại các phòng thực hành

tiền lâm sàng, phòng bệnh mô phỏng của trường/bộ môn/khoa trước khi tổ chức cho sinh viên đi thực hành tại các bệnh viện.

Thực hành bệnh viện: Sinh viên thực tập thường xuyên tại các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tỉnh và các bệnh viện tuyến huyện.

Thực tế tại cộng đồng: Tổ chức thực tế tại cộng đồng sau khi sinh viên đã học các môn cơ sở và các môn học lâm sàng. Sinh viên sẽ được thực tập tại các trạm y tế xã, phường.

* Những nội dung khác thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ và Nghị định số 111/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

6.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và cách tính điểm

Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá, thi kết thúc mô đun dựa trên đặc thù mô đun.

Hình thức thi: Vấn đáp, chạy trạm, thi thực hành tại phòng chức năng, phòng thực hành tại trường hoặc thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

Riêng mô đun “Khoá luận tốt nghiệp” tổ chức bảo vệ Hội đồng Khoá luận tốt nghiệp theo quy định của trường. Đảm bảo thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Nguyễn Văn Ánh

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

1. Nội dung chi tiết

Đào tạo thực hành chương trình y sĩ đa khoa theo các môn học được thể hiện chi tiết qua nội dung giảng dạy, phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra và lượng giá năng lực theo từng môn học; đánh giá kết quả và chuẩn năng lực đầu ra của người học theo từng môn và toàn bộ chương trình, nội dung chi tiết từng môn như sau:

1. Các môn học chung/đại cương

1.1. Giáo dục thể chất

Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Mã môn học: MH 03

Số giờ: 60 giờ

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 05 giờ; Thực hành: 51 giờ; Kiểm tra: 04 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: Môn học Giáo dục thể chất là môn học bắt buộc ở học kỳ I trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

2.1. Về kiến thức:

+ Nêu được mục đích, ý nghĩa, tác dụng của luyện tập thể thao đối với phát triển con người toàn diện;

+ Trình bày được một số kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp tập luyện thể dục thể thao.

2.2 Về kỹ năng: Thực hiện được các phương pháp tập luyện nâng cao sức khỏe nói chung và thể dục nghề nghiệp.

2.3 Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Tích cực luyện tập và hướng dẫn người bệnh, cộng đồng tập luyện thể thao để nâng cao sức khỏe.

III. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

+ Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

+ Nhảy cao: Nệm nhảy cao, trụ, xà nhảy cao và các thiết bị khác;

+ Nhảy xa: Hồ nhảy xa, thước đo và các thiết bị khác.

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Sân bãi

2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ thể dục thể thao liên quan đến môn học

3. Học liệu, dụng cụ: trang phục thể thao, dụng cụ học tập liên quan đến tài liệu học tập.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên biết được vị trí, ý nghĩa, tác dụng của Giáo dục thể chất; Biết cách chạy bền trên địa hình tự nhiên và khắc phục một số hiện tượng thường gặp trong khi chạy, kỹ thuật và luật thi đấu các môn: chạy 100m hoặc chạy tiếp sức 4 x 100m, nhảy xa hoặc nhảy cao và các môn thể thao tự chọn; Hiểu được các môn thể thao đã được học trong chương trình

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện được kỹ năng chạy bền trên địa hình tự nhiên, các giai đoạn kỹ thuật chạy 100m hoặc chạy tiếp sức 4 x 100m, nhảy xa kiểu “Ưỡn thân” hoặc nhảy cao kiểu “Úp bụng”;

+ Thực hành được kỹ thuật các môn thể thao tự chọn;

+ Tổ chức thi đấu được, làm được trọng tài các môn thể thao đã được học;

+ Vận dụng được những điều đã học vào đời sống và tích cực tham gia các phong trào Thể dục thể thao trong, ngoài nhà trường

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Giáo dục tính linh hoạt, nhanh nhẹn trong khi thực hành các động tác;

+ Phối hợp trong thảo luận nhóm, tập luyện cá nhân.

+ Trung thực trong học tập và nghiêm túc trong rèn luyện.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp làm mẫu.

- Phương pháp.

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên:

- + Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết
- + Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thực hành để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
- + Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

1.2. Giáo dục quốc phòng

Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH

Mã môn học: MH 04

Số giờ: 75 giờ

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (Lý thuyết: 36 giờ; Thực hành: 35 giờ; Kiểm tra: 04 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: Môn học Giáo dục Quốc phòng an ninh là môn học bắt buộc học kỳ II trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;

- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

2.3. Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm:

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bài tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07.

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn;
- Bộ bìa (khung + mặt bìa số 4);
- Giá đặt bìa đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;

- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Thắt lưng;
- + Giày da;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biển tên;
- + Ca vát.
- Trang phục học sinh giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;

- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thất lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Sân bãi

2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ thể dục thể thao liên quan đến môn học

3. Học liệu, dụng cụ: trang phục thể thao, dụng cụ học tập liên quan đến tài liệu học tập.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Giáo dục trí thức trẻ kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam; về chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo hành lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.

- Trang bị kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp làm mẫu;
- Phương pháp luyện tập, kiểm tra.

Áp dụng Thông tư 04/2022/TT-BLĐT BXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên:

- + Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết;
- + Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thực hành để vận dụng kiến thức vào thực tiễn;
- + Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm:

Học phần I: Đường lối quân sự của Đảng

Học phần có đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Học phần giành thời lượng giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

Học phần II: Công tác quốc phòng, an ninh

Học phần đề cập những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh chống tội phạm, trật tự an toàn xã hội.

Học phần III: Quân sự chung

Học phần bao gồm lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo sử dụng,

bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; đặc điểm tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.

1.3. Tiếng anh

Tên môn học: TIẾNG ANH

Mã môn học: MH 05

Số tín chỉ: 4

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ; (Lý thuyết: 42 giờ; bài tập: 72 giờ; Kiểm tra: 06 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn Tiếng Anh căn bản là môn học bắt buộc trong học kì I trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học:

2.1. *Về kiến thức*: Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

2.2. *Về kỹ năng*: Xử lý được các tình huống giao tiếp cơ bản trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong lớp học.

- Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự

kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

- Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

- Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm

2.3. *Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm*: Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp; Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

2.4. *Điều kiện thực hiện môn học*:

1. *Phòng học*: phòng học lý thuyết có máy chiếu
2. *Trang thiết bị máy móc*: 50 bộ bàn ghế, 50 tai nghe, máy chiếu,
3. *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu*: sách giáo trình, bảng và bút lông

III. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. *Nội dung*:

- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản của Tiếng Anh giao tiếp.

- Về kỹ năng: Sinh viên có thể hiểu và phản xạ tốt những tình huống giao tiếp cơ bản trong cuộc sống hằng ngày. Tự tin hơn khi giao tiếp bằng Tiếng Anh.

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình

- Phương pháp vấn đáp

- Phương pháp ôn tập, luyện tập

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

IV. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh 1 được sử dụng để giảng dạy cho trình độ đào tạo Cao đẳng chính quy của Khoa Cơ Bản.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Đối với giáo viên, giảng viên: Kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy. Phương pháp giảng dạy chính là thuyết trình và giao bài tập cho sinh viên.

Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học. Các bài tập ở nhà, mini-test, và bài thi cuối kì phải được thực hiện từ chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện có sao chép thì xử lý các sinh viên có liên quan bằng hình thức đánh giá **0** (không) điểm quá trình và cuối kỳ.

1.4. Tin Học

Tên môn học: TIN HỌC

Mã môn học: MH06

Số tín chỉ: 3(1-2-0)

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thảo luận: 58 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí môn học Tin học đại cương là môn học bắt ở học kỳ I trong chương trình đào tạo.

- Tính chất môn học Tin học đại cương là một trong những nội dung quan trọng của chương trình đào tạo, là môn học nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về tin học văn phòng cho sinh viên. Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu môn học

2.1. *Về Kiến thức:* Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2.2. *Về kỹ năng:* Sử dụng được công năng của máy vi tính để tính toán trên bảng tính, soạn thảo văn bản, lập các báo cáo, khai thác internet.

+ Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;

+ Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

+ Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;

+ Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;

+ Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;

+ Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;

+ Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

+ Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin

2.3 *Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm*: Sinh viên chủ động, tích cực trong học tập, thực hành; khai thác một cách có hiệu quả công năng của máy tính phục vụ hữu hiệu chuyên môn. Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp; Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Điều kiện thực hiện môn học

1. *Phòng học*: Phòng thực hành tin học

2. *Trang thiết bị máy móc*: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế, máy tính.

3. *Học liệu, dụng cụ*: Internet, sách, giáo trình (liên quan đến tài liệu học tập).

IV. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. *Nội dung*:

- Về kiến thức: Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản của học phần Tin học đại cương.

- Về kỹ năng: Sử dụng được các hệ điều hành để vận hành và quản lý hoạt động của máy tính; Sử dụng máy tính để soạn thảo văn bản với Microsoft Office Word; Xử lý số liệu trên bảng tính với các hàm cơ bản và một số hàm nâng cao; Soạn thảo và trình chiếu với Microsoft Office Powepoint; Vận dụng kiến thức cho quá trình tự học thông qua mạng internet cũng như qua các tài liệu về tin học.

- Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Tích cực chủ động tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo.

2. *Phương pháp*:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp thực hành: Làm mẫu, sinh viên thực hành trên máy dưới sự hướng dẫn của giáo viên

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

V. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. *Phạm vi áp dụng môn học*: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học*

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết
+ Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, sau mỗi nội dung bài học, sinh viên thực hành trên máy tính.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

2. Các môn học cơ sở

2.1. Tiếng anh chuyên ngành

Tên mô đun: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

Mã mô đun: MĐ 01

Số tín chỉ: 3 (3-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thảo luận: 28 giờ; Kiểm tra: 03 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Tiếng Anh chuyên ngành là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: tập trung giảng dạy các kỹ năng cơ bản và rất cần thiết để sinh viên có thể giao tiếp bằng Tiếng Anh với đồng nghiệp và bệnh nhân, có khả năng nắm bắt thông tin nghe được, xử lý và cung cấp lại thông tin bằng hình thức nói, viết, dịch hoặc đặt câu hỏi.. Ngoài ra, sinh viên sau khi ra trường còn có thể đọc hiểu và nghiên cứu các tài liệu

chuyên ngành bằng tiếng Anh cũng như tìm hiểu , sưu tầm các tài liệu y học bằng tiếng Anh nhằm nâng cao chuyên môn của mình.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

- Có vốn từ y học nhất định liên quan đến các chủ điểm thông dụng như stress, các chất độc, AIDS, hút thuốc lá, bệnh tim, đột quỵ.....

- Phát triển vốn từ vựng chuyên ngành qua các bài tập về synonyms, root words, compound words.

2.2. Kỹ năng:

- Sử dụng được các cấu trúc câu cơ bản: the verb to be, possessive pronouns, preps of time, articles, this/that/these/those, plurals of nouns, prepositions, present simple tense, some/any/no/none, past tense, have/has, possessive words, present continuous, the future tense (active + passive), the present perfect (active + passive), relative pronouns.

- Đọc hiểu được những tài liệu chuyên ngành để mở rộng kiến thức và phục vụ cho công việc.

- Nghe những từ vựng, cấu trúc, tình huống giao tiếp liên quan đến các chủ đề đã học.

- Nghe những từ vựng, cấu trúc, tình huống giao tiếp liên quan đến các chủ đề đã học.

- Nghe những từ vựng, cấu trúc, tình huống giao tiếp liên quan đến các chủ đề đã học.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Rèn luyện phẩm chất đạo đức của sinh viên, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê học ngoại ngữ, sáng tạo, đổi mới.

- Hiểu được tầm quan trọng của môn học.

- Tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng internet.

III. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Phòng lab.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

IV. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Những kiến thức đã được học trong giáo trình.
- Về kỹ năng: hình thành 4 kỹ năng chính: nghe- nói- đọc- viết.
- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: đánh giá chủ yếu qua quá trình học tập trên lớp (thái độ học tập; khi thực hành theo cặp, nhóm) và qua sản phẩm tự học sinh viên nộp cuối kỳ.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:
 - + Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
 - + Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, sau mỗi bài học học sinh cần tăng cường tính tự học vào thực tiễn. Sinh viên cần chuẩn bị phần từ vựng, bài tập trước khi đến lớp; phần tự học và bài tập về nhà; chủ động tìm hiểu kiến thức bổ trợ cho môn học, rèn luyện 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết trên mạng Internet và sách tham khảo.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học:

+ Read and translate into Vietnamese further reading passage: Avoid unnecessary stress.

+ Read and translate into Vietnamese further reading passage: Stress relief: Relaxation practices that reduce stress.

+ Read and translate into Vietnamese further reading passage: Write down on student's notebook. Passage: Alcohol Abuse.

+ Read and translate into Vietnamese further reading passage: Drug abuse: Problems and solutions.

+ Read and translate into Vietnamese further reading passage: Kids and poisons.

+ Read and translate into Vietnamese further reading passage: AIDS.

+ Read and translate into Vietnamese further reading passage: Smoking.

+ Read and translate into Vietnamese further reading passage: Heart Disease.

+ Read and translate into Vietnamese further reading passage: Stroke.

+ Read and translate into Vietnamese further reading passage: Cancer.

2.2. Vi sinh – Ký sinh trùng

Tên mô đun: VI SINH - KÝ SINH TRÙNG

Mã mô đun: MĐ 02

Số tín chỉ: 2 (1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết 15 giờ; thực hành 25 giờ, kiểm tra 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí mô đun Vi sinh – Ký sinh trùng là môn học kiến thức cơ sở ngành được bố trí vào học kỳ 2 trong chương trình đào tạo.

- Tính chất mô đun Vi sinh – Ký sinh trùng cung cấp cho sinh viên kiến thức sinh vật học khả năng gây bệnh, đặc điểm bệnh học, đường xâm nhập và tác hại của Vi sinh

- Ký sinh trùng. Đồng thời, cung cấp kiến thức đặc điểm của sinh vật học và phân loại Vi

sinh, Ký sinh trùng. Bên cạnh đó, còn có kiến thức mối tương quan giữa vi sinh - ký sinh trùng với cơ thể và môi trường.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức

- Trình bày được đặc điểm của sinh vật học và phân loại Vi sinh, Ký sinh trùng;
- Trình bày được đặc điểm của sinh vật học, khả năng gây bệnh, đặc điểm bệnh học, đường xâm nhập và tác hại của Vi sinh - Ký sinh trùng;
- Nêu được hình thể vi sinh - ký sinh trùng gây bệnh thường gặp;
- Nêu được mối tương quan giữa vi sinh - ký sinh trùng với cơ thể và môi trường.

2.2. Về kỹ năng: Vận dụng và liên hệ được các kiến thức vi sinh và ký sinh trùng y học vào việc học tập, nghiên cứu các môn khoa học cơ sở có liên quan và các môn y học lâm sàng.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Chủ động và sáng tạo trong học tập, có tinh thần trách nhiệm cao.

III. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Phòng lý thuyết, phòng thực hành

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, ghế.

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

IV. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Trình bày được các chuyên đề bệnh lý về virus thường gặp.
- Về kỹ năng: Phát triển kỹ năng chẩn đoán, phân tích nguyên nhân các loại bệnh do virus gây nên.
- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết giảng;
- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp ôn tập, luyện tập, hướng dẫn thực hành;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá

+ Viết trắc nghiệm: Sử dụng bộ câu hỏi, bài tập để đánh giá kiểm tra mức độ tiếp kiến thức của sinh viên.

+ Dựa trên năng lực thực hành của sinh viên bằng các thí nghiệm, các bài thực hành.

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 100 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. *Phạm vi áp dụng mô đun*: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun*

- Đối với giáo viên:
 - + Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết
 - + Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, tuy nhiên sau mỗi bài học học sinh cần có tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
 - + Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

Học liệu:

- + Đèn cồn, que cấy
- + Tài liệu hướng dẫn người học.
- + Tranh, phiếu học tập
- + Tiêu bản mẫu đơn bào, giun, sán, vi sinh vật
- + Các môi trường nuôi cấy vi sinh vật, thuốc nhuộm Gram
- + Các chủng vi sinh vật

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

Sinh viên đi học: tối thiểu 80% số giờ lý thuyết, 100% số giờ thực hành.

2.3. Sinh lý bệnh miễn dịch

Tên mô đun: SINH LÝ BỆNH MIỄN DỊCH

Mã mô đun: MĐ 03

Số tín chỉ: 2 (1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 14; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra đánh giá: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Mô đun thuộc khối kiến thức cơ sở ngành.
- Mô đun này cung cấp kiến thức cơ bản về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh và quá trình bệnh lý. Cơ chế hình thành, phát sinh và phát triển của bệnh ở cơ quan, hệ thống cơ quan. Mô tả sinh lý bệnh quá trình lão hóa và mô tả đại cương hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch, vai trò của hệ thống miễn dịch trong khả năng đề kháng phòng chống bệnh tật của cơ thể. Học phần làm cơ sở cho các môn chuyên môn ngành nghề.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức: Trình bày được những vấn đề cơ bản về sinh lý bệnh và miễn dịch; Phân tích, giải thích được cơ chế bệnh sinh của một số bệnh thường gặp và mối liên quan với quá trình điều trị và phòng bệnh.

2.2. Về kỹ năng: Nhận định, đánh giá được tình trạng người bệnh phù hợp về trạng thái bệnh lý và quá trình bệnh lý; Vận dụng được các kiến thức về sinh lý bệnh để giải thích triệu chứng, hội chứng trong một số bệnh thông thường.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Nhận thức được vai trò của môn học trong việc giải thích cơ chế hình thành bệnh, quá trình bệnh lý, trạng thái bệnh lý trong chẩn đoán, chăm sóc người bệnh và nghiên cứu khoa học.

III. Điều kiện thực hiện mô đun

- 1. Phòng học:* Phòng lý thuyết, thực hành.
- 2. Trang thiết bị máy móc:* Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế
- 3. Học liệu, dụng cụ:* Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

IV. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: có kiến thức cơ bản về hệ một số căn bệnh thường gặp.
- Về kỹ năng: Thực hành các bài theo chương trình.
- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết giảng;
 - Sử dụng phương pháp thuyết trình;
 - Phương pháp vấn đáp;
 - Phương pháp thảo luận nhóm;
 - Phương pháp ôn tập, luyện tập, hướng dẫn thực hành;
 - Phương pháp kiểm tra, đánh giá
- + Viết trắc nghiệm: Sử dụng bộ câu hỏi, bài tập để đánh giá kiểm tra mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên.
- + Dựa trên năng lực thực hành của sinh viên bằng các thí nghiệm, các bài thực hành.

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên: Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, tuy nhiên sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

2.4. Hóa sinh

Tên mô đun: HÓA SINH

Mã mô đun: MĐ 04

Số tín chỉ: 2 (1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra đánh giá: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun Hóa sinh thuộc khối kiến thức các môn cơ sở ngành ở học kỳ II trong chương trình đào tạo.

- Tính chất mô đun cung cấp các kiến thức về mối liên quan giữa các quá trình hóa học sinh vật học, nông nghiệp và y học; mối liên quan giữa cấu trúc và chức năng sống của các cơ quan trong cơ thể; cơ chế điều hòa toàn bộ quá trình sống.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức: Trình bày được cấu tạo, tính chất lý hóa, vai trò của các hợp chất hữu cơ cấu tạo nên cơ thể người; Trình bày được quá trình chuyển hóa của các chất hữu cơ diễn ra trong cơ thể người; Trình bày được chức năng hóa sinh tiêu biểu của một số cơ quan trong cơ thể; Giải thích được các nguyên tắc, nguyên nhân xuất hiện một số bệnh sinh ra do rối loạn chuyển hóa glucid, protid, lipid.

2.2. Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức hóa sinh để giải thích các bệnh lý do rối loạn chuyển hóa các chất trong cơ thể người.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- + Thể hiện thái độ tự mỹ, chính xác, khách quan, trung thực;
- + Thể hiện ý thức trách nhiệm trong công tác thực hành và chuyên môn;
- + Thể hiện sự khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với đồng nghiệp.

III. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Phòng lý thuyết, Phòng học thực hành.

2. *Trang thiết bị máy móc:* Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế.

3. *Học liệu, dụng cụ:* Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

IV. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. *Nội dung*

- Về kiến thức:

+ Trình bày được cấu tạo, tính chất lý hóa, vai trò của các hợp chất hữu cơ cấu tạo nên cơ thể người;

+ Trình bày được quá trình chuyển hóa của các chất hữu cơ diễn ra trong cơ thể người;

+ Trình bày được chức năng hóa sinh tiêu biểu của một số cơ quan trong cơ thể;

+ Giải thích được các nguyên tắc, nguyên nhân xuất hiện một số bệnh sinh ra do rối loạn chuyển hóa glucid, protid, lipid.

- Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức hóa sinh để giải thích các bệnh lý do rối loạn chuyển hóa các chất trong cơ thể người.

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Thể hiện thái độ tỷ mỉ, chính xác, khách quan, trung thực;

+ Thể hiện ý thức trách nhiệm trong công tác thực hành và chuyên môn;

+ Thể hiện sự khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với đồng nghiệp.

2. *Phương pháp*

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm;

- Phương pháp ôn tập, luyện tập, hướng dẫn thực hành;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá.

- Viết trắc nghiệm: Sử dụng bộ câu hỏi, bài tập để đánh giá kiểm tra mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên.

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. *Phạm vi áp dụng mô đun*: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun*

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào kiến thức lý thuyết và bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

Sinh viên đi học: tối thiểu 80% số giờ lý thuyết.

3. *Những trọng tâm chương trình cần chú ý*

Nội dung trọng tâm: Các vi sinh vật gây bệnh; Giun, sán ký sinh.

2.5. **Giải phẫu sinh lý**

Tên mô đun: GIẢI PHẪU SINH LÝ

Mã mô đun: MĐ 05

Số tín chỉ: 3 (2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết 29 giờ, Thực hành 28 giờ, kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Mô đun Giải phẫu sinh lý thuộc kiến thức cơ sở ngành bắt buộc ở học kỳ II trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Giải phẫu nghiên cứu về cấu trúc của cơ thể. Giải phẫu có sức hấp dẫn

nhất định vì nó cụ thể, có thể quan sát được, kiểm tra được không cần tưởng tượng. Những chức năng sinh lý của phần cơ thể, những hoạt động nội tại của các cơ quan trong cơ thể. Những kiến thức đó, cung cấp cho người học hiểu biết được những thực thể thống nhất trên trong cơ thể và đó là kiến thức hữu ích vận dụng vào trong quá trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. *Về kiến thức:* Mô tả được vị trí, hình thể ngoài, cấu tạo, hình thể trong của các cơ quan trong cơ thể người; trình bày được các mốc chủ yếu của các cơ quan đó trên tranh, trên mô hình sẵn có và trên người.

2.2. *Về kỹ năng:* Vận dụng giải phẫu vào các học phần khác theo nhiệm vụ chức năng chăm sóc người bệnh của mình.

2.3. *Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:* Tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập.

III. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. *Phòng học lý thuyết:* phòng lab có máy chiếu/ phòng Lab
2. *Phòng học thực hành:* phòng thực hành giải phẫu sinh lý
3. *Trang thiết bị máy móc:* bàn ghế, máy chiếu, máy quạt/máy lạnh
4. *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:* sách giáo trình, bảng và phấn, trang thiết bị.

IV. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải phẫu chức năng.

Về kỹ năng: Phát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, áp dụng kiến thức đã học vào thực tế.

Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. Phương pháp

Sử dụng phương pháp thuyết giảng;

Sử dụng phương pháp thuyết trình;

Phương pháp vấn đáp;

Phương pháp thảo luận nhóm;

Phương pháp ôn tập, luyện tập, hướng dẫn thực hành;

Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

+ Viết trắc nghiệm: Sử dụng bộ câu hỏi, bài tập để đánh giá kiểm tra mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên.

+ Dựa trên năng lực thực hành của sinh viên bằng các thí nghiệm, các bài thực hành.

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun

Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

1. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun.

2. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, tuy nhiên sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

2.6. DƯỢC LÝ

Tên mô đun: DƯỢC LÝ

Mã mô đun: MĐ 06

Số tín chỉ: 3(2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí Dược lý cung cấp kiến thức cơ sở ngành ở học kỳ III trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Mô đun Dược lý cung cấp kiến thức về thuốc, dược phẩm,... quá trình tư vấn sử dụng thuốc cho bệnh nhân. Người học trang bị kiến thức cần thiết về thuốc điều trị, dược phẩm là kiến thức quan trọng phục vụ đắc lực trong công tác điều trị bệnh nhân.

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

Trình bày và giải thích được cơ chế tác dụng, đặc điểm tác dụng của các nhóm thuốc; Trình bày được áp dụng điều trị của các thuốc đại diện trong từng nhóm; Nhận dạng được và hướng dẫn sử dụng đúng các thuốc theo dạng bào chế.

2.2. Về kỹ năng:

Phân tích được các tác dụng không mong muốn và độc tính của thuốc để biết cách phòng và xử trí; Kể được các đơn thuốc đúng nguyên tắc, đúng pháp lý, phù hợp chuyên môn; Phân tích được kết quả một số thí nghiệm dược lý và nêu được các ứng dụng trên lâm sàng.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Phân tích được các tác dụng không mong muốn và độc tính của thuốc để biết cách phòng và xử trí; Kể được các đơn thuốc đúng nguyên tắc, đúng pháp lý, phù hợp chuyên môn; Phân tích được kết quả một số thí nghiệm dược lý và nêu được các ứng dụng trên lâm sàng.

III. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học lý thuyết.

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế.

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, máy tính (liên quan đến tài liệu học tập)

IV. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức: Phân loại và kể tên các thuốc trong từng nhóm theo tác dụng dược lý; Trình bày được tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc trong từng bài.

- Về kỹ năng: Đọc và viết được tên các thuốc thường gặp; Biết vận dụng kiến thức đã học để sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả.

- Về mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Có thái độ học tập và giao tiếp tích cực, chủ động trong lớp học; Có thái độ tích cực, chủ động, hợp tác trong làm việc nhóm và các hoạt động học tập khác do giảng viên đề ra.

2. Phương pháp đánh giá

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên: Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần như: giảng đường phải có đầy đủ trang thiết bị dạy học như máy tính, máy chiếu, bảng, phấn. Dụng cụ thực hành bao gồm: Văn phòng phẩm; phấn màu, mạng internet. Giảng viên phải tự trang bị được cho mình các hình ảnh, tư liệu để minh họa cho bài giảng.

Giảng viên bám sát vào đề cương chi tiết để giảng dạy, không tự ý thay đổi khối lượng kiến thức so với chương trình chi tiết của môn học. Giảng viên tích cực giảng dạy và hướng dẫn cho sinh viên các phương pháp học tập hiệu quả. Hướng dẫn cụ thể cho sinh viên trong việc áp dụng lý thuyết vào thực hành nghề nghiệp. Cung cấp, gợi ý nguồn tài liệu tham khảo

cho sinh viên. Linh hoạt trong việc kết hợp các phương pháp giảng dạy để sinh viên dễ dàng lĩnh hội những kiến thức trong quá trình học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học, nghiên cứu tài liệu.

2.7. Kỹ thuật điều dưỡng

Tên mô đun: KỸ THUẬT ĐIỀU DƯỠNG

Mã mô đun: MĐ 07

Số tín chỉ: 3 (2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thảo luận: 28 giờ; Kiểm tra: 03 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Kỹ thuật Điều dưỡng là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

Các mô đun học trước: Cấu tạo chức năng cơ thể; Sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi

- Tính chất: Đây là mô đun cơ sở ngành.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. *Về kiến thức*: Giải thích được mục đích, chỉ định, chống chỉ định và tai biến của các quy trình kỹ thuật cơ bản chăm sóc người bệnh; cấp cứu thường gặp.

2.2. *Kỹ năng*: Hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tổng hợp kiến thức, thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận.

2.3. *Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm*: Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực chăm sóc người bệnh, tự học, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.

III. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Phòng lý thuyết, thực hành kỹ thuật điều dưỡng.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

IV. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản.
- Về kỹ năng: Có khả năng thực hành bằng các bảng kiểm các kỹ thuật, bảng kiểm giao tiếp với bệnh nhân.
- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm.
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:
 - + Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
 - + Chuẩn bị giáo trình, tài liệu tham khảo để cung cấp cho sinh viên. Xây dựng các tình huống lâm sàng phù hợp với mục tiêu bài học được phân công giảng dạy.
 - + Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.
 - + Chuẩn bị giáo trình, tài liệu tham khảo để cung cấp cho sinh viên.
 - + Phương pháp giảng dạy: Thảo luận, nêu vấn đề, phân tích, thuyết trình ngắn có

minh họa, động não.

- Đối với sinh viên: Sinh viên tham dự đủ 80% số tiết học lý thuyết trên lớp và 100% buổi thảo luận lớp và thực hành. Chuẩn bị trước nội dung buổi học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên (thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên).

2.8. Thực hành Lâm sàng Kỹ thuật điều dưỡng

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG KỸ THUẬT ĐIỀU DƯỠNG

Mã mô đun: MĐ 08

Số tín chỉ: 2 (0-2-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 60 giờ; Kiểm tra: 0 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Thực hành lâm sàng Kỹ thuật Điều dưỡng là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

Các mô đun học trước: kỹ thuật Điều dưỡng.

- Tính chất: Đây là mô đun cơ sở ngành. Mô đun này giúp sinh viên nhận biết được sơ đồ tổ chức của bệnh viện, nội quy, quy định của bệnh viện, các khoa phòng. Thực hiện được quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện. Giao tiếp cơ bản với nhân viên bệnh viện, người nhà và người bệnh. Thực hiện tốt các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản, kiến tập các kỹ thuật xâm lấn, đặc thù của các khoa phòng. Giúp cho người học định hướng rõ ràng về chức năng nhiệm vụ chuyên ngành để học tập và phát triển bản thân

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

- Thực hiện đúng quy định, nội quy, quy chế các khoa phòng bệnh viện, kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.
- Thực hiện giao tiếp, tiếp đón người bệnh đúng quy định khoa phòng, nghề nghiệp
- Thiết lập được môi trường chăm sóc người bệnh hiệu quả, an toàn trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giáo viên lâm sàng

2.2. Kỹ năng:

- Thực hành chăm sóc người bệnh cụ thể tại các phòng bệnh dưới sự giám sát của giáo viên lâm sàng

- Thực hành kiến tập một số kỹ thuật đặc thù tại các khoa phòng

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Biết cách theo dõi, phát hiện và xử trí được các tai biến có thể xảy ra trong và sau khi thực hiện kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh cụ thể.

- Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm

III. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Thực tập tại bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

IV. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản để thực hành lâm sàng tại bệnh viện

- Về kỹ năng: Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh theo chỉ tiêu thực hiện đề ra.

- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm.

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. *Phạm vi áp dụng mô đun*: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun*

- Đối với giáo viên: Hướng dẫn sinh viên thực hành các kỹ thuật theo quy trình; Lập kế hoạch giảng dạy lâm sàng, hướng dẫn sinh viên thực hiện các yêu cầu theo sổ tay lâm sàng điện tử; Áp dụng các phương pháp giảng dạy: Giải quyết tình huống, cầm tay chỉ việc...

- Đối với sinh viên:

- + Chấp hành nội quy – quy chế của cơ sở thực tập.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ học.
- + Báo cáo hàng ngày các nội dung công việc đã thực hiện theo đúng yêu cầu của môn học (trước 17h hàng ngày).

3. Môn học chuyên ngành

1.1. Bệnh học người lớn 1

Tên mô đun: BỆNH HỌC NGƯỜI LỚN 1

Mã mô đun: MĐ 10

Số tín chỉ: 3(2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành, bắt buộc
- Tính chất: Lý thuyết kết hợp tích hợp thực hành

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Áp dụng kiến thức về giải phẫu, sinh lý, vi sinh vật để phát hiện triệu chứng và các vấn đề sức khỏe hệ hô hấp - tuần hoàn trong các tình huống dạy học;
- Giải thích được các triệu chứng và dấu hiệu bệnh lý, từ đó đưa ra các lập luận chẩn đoán được người bệnh mắc các bệnh lý hô hấp - tuần hoàn thường gặp trong tình huống lâm sàng cụ thể;

- Đưa ra được hướng xử trí và điều trị tại tuyến y tế cơ sở phù hợp cho NB trong tình huống giảng dạy.

2.2. Về kỹ năng:

- Khám phát hiện được triệu chứng của người bệnh mắc các bệnh hô hấp - tuần hoàn thường gặp;

- Tư vấn được NB cách sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

- Tư vấn được cho NB cách phòng và điều trị bệnh nội khoa hô hấp – tuần hoàn trong tình huống giảng dạy.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh;

- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;

- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;

- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết: Phòng học đúng quy định, bàn ghế giáo viên, bàn ghế sinh viên

- Phòng thực hành tiền lâm sàng: phòng thực hành đủ tiêu chuẩn, bàn, ghế

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính, máy chiếu, phấn, bảng.

- Mô hình khám tim phổi, giường bệnh, ống nghe, huyết áp

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo án, giáo trình, các tình huống lâm sàng.

4. Các điều kiện khác: Mạng LAN, Internet, SmartPhone.

IV. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi tự luận đóng và tình huống lâm sàng ngắn.

- Về kỹ năng: Sinh viên giải quyết các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Dành cho đối tượng Y sĩ đa khoa, được giảng dạy vào kỳ II

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:
 - + Chuẩn bị giáo trình, tài liệu tham khảo để cung cấp cho sinh viên;
 - + Xây dựng các tình huống lâm sàng phù hợp với mục tiêu bài học được phân công giảng dạy. (lưu ý: các câu hỏi trong tình huống phải phù hợp với mục tiêu của bài);
 - + Phương pháp giảng dạy: Thảo luận, nêu vấn đề, phân tích, thuyết trình ngắn có minh họa, động não.
- Đối với người học:
 - + Chuẩn bị trước nội dung buổi học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên (thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên).
 - + Tích cực, chủ động trong học tập: Dự lớp 80% các buổi học trên lớp, chuẩn bị bài học theo nội dung của bài...; Thảo luận: Lớp chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm 6 -7 học sinh nhóm thảo luận ở nhà; Thuyết trình báo cáo: chuẩn bị các tình huống LS đã cho trước ở

nhà trên máy tính và báo cáo trong buổi thảo luận trên lớp. Các nhóm hoàn thành nội dung thảo luận và gửi mail cho HS trước buổi học 2 ngày.

1.2. Bệnh học người lớn 2

Tên mô đun: BỆNH HỌC NGƯỜI LỚN 2

Mã mô đun: MĐ 11

Số tín chỉ: 3(2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành, bắt buộc
- Tính chất: Lý thuyết kết hợp tích hợp thực hành.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Áp dụng kiến thức về giải phẫu, sinh lý, vi sinh vật để phát hiện triệu chứng và các vấn đề sức khỏe hệ tiêu hóa, tiết niệu trong các tình huống dạy học;
- Giải thích các triệu chứng và dấu hiệu bệnh lý, từ đó đưa ra các lập luận chẩn đoán được người bệnh mắc các bệnh lý hệ tiêu hóa, tiết niệu thường gặp trong tình huống lâm sàng cụ thể;
- Đưa ra được hướng xử trí tại tuyến y tế cơ sở phù hợp cho NB trong tình huống giảng dạy.

2.2. Về kỹ năng:

- Khám phát hiện được triệu chứng của người bệnh mắc các bệnh lý thuộc hệ tiêu hóa, tiết niệu thường gặp;
- Hướng dẫn được người bệnh cách sử dụng thuốc an toàn, hợp lý;
- Tư vấn cho người bệnh cách phòng bệnh phù hợp.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng

đàm phán, thuyết phục;

- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết: Phòng học đúng quy định, bàn ghế giáo viên, bàn ghế sinh viên

- Phòng thực hành tiền lâm sàng: phòng thực hành đủ tiêu chuẩn, bàn, ghế

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính, máy chiếu, phấn, bảng.

- Mô hình giải phẫu, búa phản xạ, thước dây, thước đo tầm vận động khớp, giường bệnh

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo án, giáo trình, các tình huống lâm sàng.

4. Các điều kiện khác: Mạng LAN, Internet, SmartPhone.

IV. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi tự luận đóng và tình huống lâm sàng ngắn

- Về kỹ năng: Sinh viên giải quyết các tình huống lâm sàng cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:
Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:* Dành cho đối tượng Y sĩ đa khoa trình độ cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:*

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

+ Chuẩn bị giáo trình, tài liệu tham khảo để cung cấp cho sinh viên;

+ Xây dựng các tình huống lâm sàng phù hợp với mục tiêu bài học được phân công giảng dạy. (lưu ý: các câu hỏi trong tình huống phải phù hợp với mục tiêu của bài);

+ Phương pháp giảng dạy: Thảo luận, nêu vấn đề, phân tích, thuyết trình ngắn có minh họa, động não.

- *Đối với người học:*

+ Chuẩn bị trước nội dung buổi học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên (thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên).

+ Tích cực, chủ động trong học tập: Dự lớp 80% các buổi học trên lớp, chuẩn bị bài học theo nội dung của bài...; Thảo luận: Lớp chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm 6 -7 học sinh nhóm thảo luận ở nhà; Thuyết trình báo cáo: chuẩn bị các tình huống LS đã cho trước ở nhà trên máy tính và báo cáo trong buổi thảo luận trên lớp. Các nhóm hoàn thành nội dung thảo luận và gửi mail cho HS trước buổi học 2 ngày.

3. *Những trọng tâm cần chú ý:*

- Giải phẫu, sinh lý hệ cơ, xương, khớp, thần kinh.

- Sinh lý, sinh lý bệnh về máu, tuyến nội tiết.

- Thuốc điều trị

- Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp

1.3. Bệnh học người lớn 3

Tên mô đun: BỆNH HỌC NGƯỜI LỚN 3

Mã mô đun: MĐ 12

Số tín chỉ: 4(3-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 75 giờ (Lý thuyết: 45 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành, bắt buộc
- Tính chất: Lý thuyết kết hợp tích hợp thực hành.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Vận dụng các kiến thức về giải phẫu, sinh lý để xác định các mốc giải phẫu trong nhận định người bệnh;

- Vận dụng kiến thức về vi sinh, ký sinh trùng, sinh lý bệnh để giải thích nguyên nhân, cơ chế gây bệnh và triệu chứng bệnh nội tiết – chuyển hóa, triệu chứng bệnh về máu, bệnh về cơ xương khớp, thần kinh, truyền nhiễm thường gặp trong tình huống lâm sàng cụ thể;

- Sử dụng chứng cứ phù hợp để lập luận, giải thích các chẩn đoán y khoa và hướng xử trí và điều trị cụ thể cho người bệnh mắc các bệnh nội tiết, máu, cơ xương khớp, thần kinh, truyền nhiễm trong các tình huống học tập.

2.2. Về kỹ năng:

- Khám phát hiện được triệu chứng của người bệnh mắc các bệnh nội tiết, máu, cơ xương khớp, thần kinh, truyền nhiễm khoa thường gặp;

- Chẩn đoán, điều trị các bệnh về nội tiết chuyển hóa, bệnh về máu, cơ xương khớp, thần kinh, truyền nhiễm khoa thường gặp;

- Tư vấn cho người bệnh cách phòng bệnh phù hợp.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh;

- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;

- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể khả năng đàm phán, thuyết phục;

- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết: Phòng học đúng quy định, bàn ghế giáo viên, bàn ghế sinh viên

- Phòng thực hành tiền lâm sàng: phòng thực hành đủ tiêu chuẩn, bàn, ghế

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính, máy chiếu, phấn, bảng.

- Mô hình giải phẫu, búa phản xạ, thước dây, thước đo tầm vận động khớp, giường bệnh

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo án, giáo trình, các tình huống lâm sàng.

4. Các điều kiện khác: Mạng LAN, Internet, SmartPhone.

IV. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi tự luận đóng và tình huống lâm sàng ngắn

- Về kỹ năng: Sinh viên giải quyết các tình huống lâm sàng cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:
Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:* Dành cho đối tượng Y sĩ đa khoa trình độ cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:*

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

+ Chuẩn bị giáo trình, tài liệu tham khảo để cung cấp cho sinh viên;

+ Xây dựng các tình huống lâm sàng phù hợp với mục tiêu bài học được phân công giảng dạy. (lưu ý: các câu hỏi trong tình huống phải phù hợp với mục tiêu của bài);

+ Phương pháp giảng dạy: Thảo luận, nêu vấn đề, phân tích, thuyết trình ngắn có minh họa, động não.

- *Đối với người học:*

+ Chuẩn bị trước nội dung buổi học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên (thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên).

+ Tích cực, chủ động trong học tập: Dự lớp 80% các buổi học trên lớp, chuẩn bị bài học theo nội dung của bài...; Thảo luận: Lớp chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm 6 -7 học sinh nhóm thảo luận ở nhà; Thuyết trình báo cáo: chuẩn bị các tình huống LS đã cho trước ở nhà trên máy tính và báo cáo trong buổi thảo luận trên lớp. Các nhóm hoàn thành nội dung thảo luận và gửi mail cho HS trước buổi học 2 ngày.

1.4. Thực hành lâm sàng bệnh học người lớn 1

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG BỆNH HỌC NGƯỜI LỚN 1

Mã mô đun: MĐ 13

Số tín chỉ: 3(0-3-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 85 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành.

- Tính chất: Thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. *Về kiến thức:*

- Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh hô hấp - tuần hoàn một cách thành thạo;

- Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi thăm khám và điều trị NB mắc bệnh hô hấp - tuần hoàn thường gặp;

- Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám, điều trị người bệnh.

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng và điều trị phù hợp với các bệnh hô hấp - tuần hoàn có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên;

- Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên;

- Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án nội, ngoại khoa hoàn chỉnh.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và điều trị bệnh;

- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;

- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;

- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn.

III. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Các phòng bệnh tại các khoa nội, ngoại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

- Phòng thực hành tiền lâm sàng: phòng thực hành đủ tiêu chuẩn, bàn, ghế

2. Trang thiết bị máy móc:

- Các loại máy móc phục vụ học tập: Các máy tại cơ sở thực tập: điện tim, Mornitor, máy tính,..

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu học tập;

- Ống nghe, đồng hồ đeo tay.

4. Các điều kiện khác:

IV. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nội khoa người lớn, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tại các khoa thực tập.	20%
2	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (<i>trung bình cộng điểm của các giảng viên</i>)	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
3	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá sinh viên, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

- + Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.
- + Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.
- + Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1 buổi.
- + Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.
- + Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

1.5. Thực hành lâm sàng bệnh học người lớn 2

Tên mô đun: THỰC HÀNH LINH SANG BENG HOC NGUOI LON 2

Mã mô đun: MD 14

Số tín chỉ: 3(0-3-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 85 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun chuyên ngành.
- Tính chất: Thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh tiêu hóa - tuần hoàn một cách thành thạo;
- Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi thăm khám và điều trị người bệnh mắc bệnh tiêu hóa - tuần hoàn thường gặp;
- Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám, điều trị người bệnh.

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng và điều trị phù hợp với các bệnh tiêu hóa - tuần hoàn có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên;
- Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên;
- Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án nội, ngoại khoa hoàn chỉnh.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn.

III. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Các phòng bệnh tại các khoa nội, ngoại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc: Các loại máy móc phục vụ học tập: Các máy tại cơ sở thực tập: điện tim, Mornitor, máy tính,..

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu học tập;

- Ống nghe, đồng hồ đeo tay

IV. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nội khoa người lớn, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tại các khoa thực tập.	20%
2	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (trung bình cộng điểm của các giảng viên)	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
3	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá SV, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:
- + Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.
- + Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.
- + Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1 buổi.
- + Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.
- + Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

1.6. Thực hành lâm sàng bệnh học người lớn 3

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG BỆNH HỌC NGƯỜI LỚN 3

Mã mô đun: MĐ 15

Số tín chỉ: 3(0-3-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 85 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành.
- Tính chất: Thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh về máu, nội tiết chuyển hóa, cơ xương khớp, truyền nhiễm, thần kinh một cách thành thạo;
- Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi lên kế hoạch thăm khám và điều trị;
- Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám người bệnh.

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng và điều trị phù hợp với các bệnh về máu, nội tiết chuyển hóa, cơ xương khớp, truyền nhiễm, thần kinh có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên.
- Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe

cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên.

- Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án hoàn chỉnh.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Các phòng bệnh tại các khoa nội, ngoại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc: Các loại máy móc phục vụ học tập: Các máy tại cơ sở thực tập: điện tim, Mornitor, máy tính,..

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu học tập;
- Ống nghe, đồng hồ đeo tay

IV. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nội khoa người lớn, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tại các khoa thực tập.	20%

2	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (trung bình cộng điểm của các giảng viên)	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
3	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chăm bệnh án thi: 20%)	60%

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá SV, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

- + Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.
- + Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.
- + Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1 buổi.
- + Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.
- + Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

1.7. Sản

Tên mô đun: SẢN

Mã mô đun: MĐ 16

Số tín chỉ: 3(2-0-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành, bắt buộc
- Tính chất: Lý thuyết kết hợp tích hợp thực hành.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Áp dụng kiến thức về giải phẫu, sinh lý, vi sinh vật để phát hiện triệu chứng và các vấn đề sức khỏe sinh sản trong các tình huống dạy học;

- Giải thích các triệu chứng và dấu hiệu bệnh lý, từ đó đưa ra các lập luận chẩn đoán được người bệnh mắc các bệnh lý sinh sản thường gặp trong tình huống lâm sàng cụ thể;

- Đưa ra được hướng xử trí tại tuyến y tế cơ sở phù hợp cho NB trong tình huống giảng dạy.

2.2. Về kỹ năng:

- Khám phát hiện được triệu chứng của người bệnh mắc các bệnh Sản phụ khoa thường gặp;

- Tư vấn được NB cách sử dụng thuốc an toàn, hợp lý;

- Tư vấn được cho NB cách phòng và điều trị bệnh sản phụ khoa trong tình huống giảng dạy.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh;

- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;

- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;

- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết: Phòng học đúng quy định, bàn ghế giáo viên, bàn ghế sinh viên

- Phòng thực hành tiền lâm sàng: phòng thực hành đủ tiêu chuẩn, bàn, ghế

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính, máy chiếu, phấn, bảng.

- Mô hình giải phẫu, búa phản xạ, thước dây, thước đo tầm vận động khớp, giường bệnh

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo án, giáo trình, các tình huống lâm sàng.
4. Các điều kiện khác: Mạng LAN, Internet, SmartPhone.

IV. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi tự luận đóng và tình huống lâm sàng ngắn
- Về kỹ năng: Sinh viên giải quyết các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:
Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Dành cho đối tượng Y sĩ đa khoa, được giảng dạy vào kỳ II

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:
 - + Chuẩn bị giáo trình, tài liệu tham khảo để cung cấp cho sinh viên;
 - + Xây dựng các tình huống LS phù hợp với mục tiêu bài học được phân công giảng dạy. (lưu ý: các câu hỏi trong tình huống phải phù hợp với mục tiêu của bài);
 - + Phương pháp giảng dạy: Thảo luận, nêu vấn đề, phân tích, thuyết trình ngắn có

minh họa, động não.

- *Đối với người học:*

+ Chuẩn bị trước nội dung buổi học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên (thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên).

+ Tích cực, chủ động trong học tập: Dự lớp 80% các buổi học trên lớp, chuẩn bị bài học theo nội dung của bài...; Thảo luận: Lớp chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm 6 -7 học sinh nhóm thảo luận ở nhà; Thuyết trình báo cáo: chuẩn bị các tình huống LS đã cho trước ở nhà trên máy tính và báo cáo trong buổi thảo luận trên lớp. Các nhóm hoàn thành nội dung thảo luận và gửi mail cho HS trước buổi học 2 ngày.

3. *Những trọng tâm cần chú ý:*

- Giải phẫu, sinh lý hệ cơ, xương, khớp, thần kinh.
- Sinh lý, sinh lý bệnh về máu, tuyến nội tiết.
- Thuốc điều trị
- Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp

1.8. Thực hành lâm sàng sản

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG SẢN

Mã mô đun: MĐ18

Số tín chỉ: 2(0-2-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 55 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành
- Tính chất: Thực hành lâm sàng tại Bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. *Về kiến thức:*

- Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh sản phụ khoa một cách thành thạo;
- Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi lên kế hoạch thăm khám và điều trị NB sản phụ khoa;
- Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm

khám người bệnh.

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng và điều trị phù hợp với các bệnh sản phụ khoa có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên;

- Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên;

- Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án sản phụ khoa hoàn chỉnh.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh.

- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả.

- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục.

- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Khoa Phụ sản tại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Các loại máy móc phục vụ học tập: Các máy tại cơ sở thực tập: Mornitor, máy tính...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu học tập;

- Ống nghe tim thai, đồng hồ đeo tay.

IV. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

Kiến thức; Kỹ năng; Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng sản phụ khoa, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân

2. Phương pháp:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	- Bắt buộc tham gia kiểm tra tại các khoa thực tập.	20%
2	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (trung bình cộng điểm của các giảng viên)	- Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
3	Thi kết thúc	- Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Sau khi sinh viên học xong môn phụ sản.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá SV, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

- + Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.
- + Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.
- + Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1 buổi.
- + Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.
- + Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

1.9. Thống kê y học – Nghiên cứu khoa học

Tên mô đun: THỐNG KÊ Y HỌC – NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Mã mô đun: MĐ 18

Số tín chỉ: 2(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 28 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thiện các môn học cơ sở, các học phần chuyên ngành, Tin học
- Tính chất: Đây là mô đun tích hợp lý thuyết và thực hành.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về khái niệm cơ bản về thống kê y học, các khái niệm liên quan đến tập mẫu thống kê, lý thuyết ước lượng, kiểm định (so sánh) giả thuyết;
- Trình bày và phân tích được các phép thống kê suy luận: Khoảng tin cậy; kiểm định giả thuyết. Sử dụng được phần mềm SPSS để phân tích số liệu;
- Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học Y học.

2.2. Về kỹ năng:

- Lựa chọn được các phép thống kê mô tả và thống kê suy luận cho các số liệu định tính và định lượng để sử dụng được phần mềm SPSS 16.0 và phân tích số liệu;
- Làm được đề cương NCKH về lĩnh vực Y học;
- Nhận xét và tham gia đánh giá được các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Hiểu và tiếp cận các phương pháp nghiên cứu khác nhau hiện đang được sử dụng để thực hành nghiên cứu y học và nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh, biết cách phân tích và ứng dụng một cách hệ thống các nhận xét và đánh giá của các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học
- Thể hiện kỹ năng tra cứu tài liệu, làm việc độc lập, thảo luận nhóm, trình bày và giải quyết vấn đề khoa học.

III. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Phòng học lý thuyết: Phòng học đúng

quy định, bàn ghế giáo viên, bàn ghế sinh viên.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, phấn, bảng.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo án, giáo trình, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác: Mạng LAN, Internet, SmartPhone.V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

IV. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi tự luận đóng và tình huống.
- Về kỹ năng: Sinh viên giải quyết các tình huống cụ thể.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Dành cho đối tượng Y sĩ đa khoa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Đối với giáo viên, giảng viên giảng dạy tại phòng lý thuyết: Sử dụng phương pháp nêu vấn đề, thảo luận nhóm;

+ Đối với giáo viên, giảng viên giảng dạy tại phòng thực hành: Sử dụng phương

pháp giải quyết vấn đề, cầm tay chỉ việc.

- *Đối với người học:*

- + Sinh viên làm bài tập trên lớp theo nhóm 8 SV theo chuyên đề;
- + Từng nhóm trình bày và các nhóm khác nghe, phản biện, đặt câu hỏi nếu có;
- + Sinh viên thực hiện các bài thực hành trên máy tính cá nhân tại phòng thực hành máy tính.

1.10. Nhi

Tên mô đun: NHI

Mã mô đun: MĐ 19

Số tín chỉ: 2(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 28 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo.
- Tính chất: Lý thuyết kết hợp với thực hành.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Vận dụng được đặc điểm giải phẫu, sinh lý, bệnh lý cơ thể trẻ em và từng thời kỳ phát triển vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng bệnh chung cho trẻ;
- Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của các bệnh lý hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn, tiết niệu để lập luận đưa ra chẩn đoán, biện pháp điều trị phù hợp với trẻ trong tình huống giảng dạy.

2.2. Về kỹ năng:

- Đưa ra được hướng xử trí và điều trị cho trẻ bệnh trong tình huống giảng dạy;
- Tham vấn được cho bà mẹ cách nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ an toàn, phù hợp;
- Hướng dẫn được trẻ và gia đình trẻ cách sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn, hợp lý;
- Tư vấn được cho bà mẹ cách phòng tránh cho trẻ các bệnh lý hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, tiết niệu trong tình huống giảng dạy.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Rèn luyện, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để từng bước thiết lập được môi trường

làm việc an toàn để giảm thiểu rủi ro trong môi trường điều trị;

- Thể hiện được khả năng giao tiếp làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả

III. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết: Phòng học đúng quy định, bàn ghế giáo viên, bàn ghế sinh viên

- Phòng thực hành tiền lâm sàng: phòng thực hành đủ tiêu chuẩn, bàn, ghế

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính, máy chiếu, phấn, bảng.
- Mô hình.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo án, giáo trình, các tình huống LS

4. Các điều kiện khác: Mạng LAN, Internet, SmartPhone.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi tự luận đóng và tình huống lâm sàng ngắn

- Về kỹ năng: Sinh viên giải quyết các tình huống lâm sàng cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:
Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:* Dành cho đối tượng Y sĩ đa khoa

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:*

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

- Xây dựng đề cương chi tiết môn học, xây dựng kế hoạch và hướng dẫn quá trình học tập. Xây dựng vấn đề học tập. Giảng dạy theo đúng quy trình, phương pháp và kế hoạch theo đề cương chi tiết môn học. Tiến hành kiểm tra, lượng giá đúng quy trình. Xây dựng bộ câu hỏi đảm bảo đúng số lượng và chất lượng;

- Thảo luận nhóm: Giảng viên nêu vấn đề, chia nhóm, thảo luận nhóm, giáo viên giới hạn thời gian sẽ hoàn thành. Sau khi thảo luận xong các nhóm bốc thăm ngẫu nhiên câu hỏi thảo luận, người báo cáo và báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét và giảng viên có thể chấm điểm phần báo cáo và nhận xét.

- *Đối với người học:*

+ Chuẩn bị trước nội dung buổi học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên (thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên).

+ Tích cực, chủ động trong học tập: Dự lớp 80% các buổi học trên lớp, chuẩn bị bài học theo nội dung của bài...; Thảo luận: Lớp chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm 6 -7 học sinh nhóm thảo luận ở nhà; Thuyết trình báo cáo: chuẩn bị các tình huống LS đã cho trước ở nhà trên máy tính và báo cáo trong buổi thảo luận trên lớp.

1.11. Thực hành lâm sàng nhi

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG NHI

Mã mô đun: MĐ 20

Số tín chỉ: 2(0-2-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành.

- Tính chất: Thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nhận định, đánh giá và thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh lý nhi khoa một cách thành thạo;
- Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi lên kế hoạch thăm khám và điều trị;
- Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám người bệnh.

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng và điều trị phù hợp với các bệnh nhi khoa có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên;
- Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên;
- Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án nhi khoa hoàn chỉnh.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Các phòng bệnh tại các khoa nội, ngoại Bệnh viện 199 – Bộ Công An: Khoa cấp cứu, Sơ sinh, Hô hấp, Tiêu hóa – Dinh dưỡng, Tim mạch, Máu-Thận-Thần Kinh-Cơ xương khớp, Truyền nhiễm

2. Trang thiết bị máy móc: Các loại máy móc phục vụ học tập: Các máy tại cơ sở thực tập: điện tim, Mornitor, máy tính,...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu học tập;

- Ống nghe, đồng hồ đeo tay

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nội khoa người lớn, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Ý thức, thái độ	Quy chế đào tạo	10%
2	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tại các khoa thực tập.	20%
3	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (trung bình cộng điểm của các giảng viên)	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
4	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá SV, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.

+ Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1 buổi.

+ Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.

+ Làm đầy đủ sổ bệnh án nộp theo đúng quy định.

1.12. Cấp cứu – cấp cứu ngoại viện

Tên mô đun: CẤP CỨU – CẤP CỨU NGOẠI VIỆN

Mã mô đun: MĐ 21

Số tín chỉ: 2(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 28 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành, bắt buộc.
- Tính chất: Lý thuyết kết hợp tích hợp thực hành.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Áp dụng kiến thức về: các kỹ năng sơ cứu ban đầu để phát hiện, xử trí ban đầu và chuyển lên tuyến trên kịp thời, an toàn những trường hợp cấp cứu;

- Đưa ra được hướng xử trí và cấp cứu tại tuyến y tế cơ sở phù hợp cho NB trong tình huống giảng dạy.

2.2. Về kỹ năng:

- Thực hiện thành thạo các kỹ năng cấp cứu ban đầu;
- Rèn luyện tác phong khẩn trương, cẩn thận, chính xác, chủ động và bình tĩnh ứng phó kịp thời với các tình huống cần cấp cứu.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực sơ cứu, cấp cứu nạn nhân tại cộng đồng;
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết: Phòng học đúng quy định, bàn ghế giáo viên, bàn ghế sinh viên

- Phòng thực đủ tiêu chuẩn, bàn, ghế, trang thiết bị phù hợp thực hành.

2. Trang thiết bị máy móc: Mô hình, dụng cụ phòng thực hành điều dưỡng, buồng bệnh mô phỏng.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo án, giáo trình, các tình huống lâm sàng.

4. Các điều kiện khác: Mạng LAN, Internet, SmartPhone.

IV. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi tự luận đóng và tình huống lâm sàng ngắn

- Về kỹ năng: Sinh viên giải quyết các tình huống lâm sàng cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Dành cho đối tượng Y sĩ đa khoa, được giảng dạy vào kỳ II.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Chuẩn bị giáo trình, tài liệu tham khảo để cung cấp cho sinh viên;
- + Xây dựng các tình huống lâm sàng phù hợp với mục tiêu bài học được phân công giảng dạy. (lưu ý: các câu hỏi trong tình huống phải phù hợp với mục tiêu của bài);
- + Phương pháp giảng dạy: Thảo luận, nêu vấn đề, phân tích, thuyết trình ngắn có minh họa, động não.

- Đối với người học:

- + Chuẩn bị trước nội dung buổi học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên (thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên).
- + Tích cực, chủ động trong học tập: Dự lớp 80% các buổi học trên lớp, chuẩn bị bài học theo nội dung của bài...; Thảo luận: Lớp chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm 6 -7 học sinh nhóm thảo luận ở nhà; Thuyết trình báo cáo: chuẩn bị các tình huống LS đã cho trước ở nhà trên máy tính và báo cáo trong buổi thảo luận trên lớp. Các nhóm hoàn thành nội dung thảo luận và gửi mail cho HS trước buổi học 2 ngày.

1.13. Lâm sàng cấp cứu, cấp cứu ngoại viện

Tên mô đun: LÂM SÀNG CẤP CỨU, CẤP CỨU NGOẠI VIỆN

Mã mô đun: MĐ 22

Số tín chỉ: 3(0-3-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 55 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành, bắt buộc và sinh viên phải hoàn thành học phần Cấp cứu - cấp cứu ngoại viện.

- Tính chất: Thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Thực hiện đúng quy định, nội quy, quy chế các đơn vị cấp cứu ngoại viện như trung tâm cấp cứu, cơ sở y tế ban đầu...;

- Thực hiện nhận định và phân loại được người bệnh cấp cứu đúng quy định;

- Thực hành các kỹ thuật cấp cứu cụ thể cho người bệnh đạt hiệu quả dưới sự giám sát của giáo viên lâm sàng, giáo viên thỉnh giảng;

- Biết cách theo dõi, phát hiện và xử trí được các tai biến có thể xảy ra trong và sau khi thực hiện kỹ thuật cấp cứu trên người bệnh cụ thể.

2.2. Về kỹ năng:

- Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm.
- Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả với người bệnh và gia đình;

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Trung tâm cấp cứu, cơ sở y tế ban đầu, Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy hút đờm, máy đo huyết áp, bộ cố định gãy xương, bộ garo cầm máu, bộ dụng cụ mở miệng...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Người bệnh

4. Các điều kiện khác:

- Các nhóm sinh viên thực tập tại các đơn vị cấp cứu được phân công và thực hiện các kỹ thuật dưới sự giám sát, giúp đỡ của cán bộ hoặc giáo viên lâm sàng;
- Đầy đủ trang phục theo quy định;
- Sinh viên phải có Smartphone và truy cập được internet.

IV. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nội khoa người lớn, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Đáp ứng mục tiêu	Trọng số
----	-----------------	----------	------------------	----------

1	Thực hiện các kỹ thuật theo sổ tay lâm sàng điện tử.	Theo quy định đào tạo	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	20%
2	Ý thức chuyên cần	Tham gia đầy đủ các buổi học, trực tại cơ sở thực tập	8	20%
2	Điểm thi kết thúc học phần	- Hình thức thi: thực hiện KT cấp cứu trên người bệnh - Đánh giá bằng bảng kiểm kỹ thuật và bảng kiểm giao tiếp.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	60%

IV. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:* Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng Y sỹ

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:*

- Đối với giáo viên, giảng viên:
 - + Lập kế hoạch giảng dạy lâm sàng, hướng dẫn sinh viên thực hiện các yêu cầu theo sổ tay lâm sàng điện tử.
 - + Áp dụng các phương pháp giảng dạy: Giải quyết tình huống, cầm tay chỉ việc...
- Đối với người học:
 - + Chấp hành nội quy – quy chế của cơ sở thực tập;
 - + Chủ động tổ chức thực hiện giờ học;
 - + Báo cáo hàng ngày các nội dung công việc đã thực hiện theo đúng yêu cầu của môn học.

1.14. Lâm sàng y học cổ truyền – phục hồi chức năng

Tên mô đun: LÂM SÀNG Y HỌC CỔ TRUYỀN – PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Mã mô đun: MĐ 23

Số tín chỉ: 2(0-2-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 55 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành, bắt buộc và sinh viên phải hoàn thành học phần y học cổ truyền – Phục hồi chức năng.

- Tính chất: Thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh chuyên ngành YHCT-PHCN;
- Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi lên kế hoạch thăm khám điều trị và phòng bệnh;
- Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám người bệnh.

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng và điều trị phù hợp có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên;
- Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên;
- Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án nội khoa, ngoại khoa hoàn chỉnh.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục.
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Tại các Khoa chuyên môn ở Bệnh viện 199 – Bộ Công An.
2. Trang thiết bị máy móc: Các máy tại cơ sở thực tập: điện tim, Mornitor, máy tính,...
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu học tập;
- Ống nghe, đồng hồ đeo tay.

IV. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. *Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nội khoa người lớn, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. *Phương pháp đánh giá:*

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Ý thức, thái độ	Quy chế đào tạo	10%
2	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tại các khoa thực tập. (Hệ số 1)	10%
4	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (trung bình cộng điểm của các giảng viên)	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định. (Hệ số 2)	20%
5	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:* Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng Y sỹ Đa khoa trình độ Cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:*

- Đối với giáo viên, giảng viên:
 - + Lập kế hoạch giảng dạy lâm sàng, hướng dẫn sinh viên thực hiện các yêu cầu theo sổ tay lâm sàng điện tử.
 - + Áp dụng các phương pháp giảng dạy: Giải quyết tình huống, cầm tay chỉ việc...
- Đối với người học:

- + Chấp hành nội quy – quy chế của cơ sở thực tập;
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ học;
- + Báo cáo hàng ngày các nội dung công việc đã thực hiện theo đúng yêu cầu của mô đun.

1.15. Lâm sàng bệnh chuyên khoa

Tên mô đun: LÂM SÀNG BỆNH CHUYÊN KHOA

Mã mô đun: MĐ 25

Số tín chỉ: 3 (0-3-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thảo luận/Thực hành/Bài tập: 85 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Lâm sàng bệnh chuyên khoa là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Đây là mô đun chuyên ngành, thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt một cách thành thạo.

Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi thăm khám và điều trị NB mắc bệnh mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt thường gặp.

Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám, điều trị người bệnh.

2.2. Kỹ năng:

Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng và điều trị phù hợp với các bệnh mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên.

Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên.

Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án nhãn khoa, tai mũi họng, răng hàm mặt hoàn chỉnh.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và điều trị bệnh.

Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả.

Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục.

Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn.

III. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Thực hành tại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc: Trang thiết bị máy móc tại các phòng bệnh trong bệnh viện: Các máy tại cơ sở thực tập: Máy nội soi, máy sinh hiển vi, ghế răng, máy tính,...

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

IV. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nhãn khoa, răng hàm mặt, tai mũi họng, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp

- Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập);
- Điểm bài tập (Làm bệnh án) (*trung bình cộng điểm của các giảng viên*).
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá sinh viên, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với sinh viên:

- + Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.
- + Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.
- + Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1 buổi.
- + Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.
- + Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định

1.16. Thực hành lâm sàng nghề nghiệp

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG NGHỀ NGHIỆP

Mã mô đun: MĐ 28

Số tín chỉ: 3(0-3-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 120 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 116 giờ; Kiểm tra: 04 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành.
- Tính chất: Thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh nội khoa, ngoại khoa, cấp cứu một cách thành thạo. Biết cách làm bệnh án nội, ngoại khoa thuần thực.

- Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi lên kế hoạch thăm khám và điều trị.

- Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám người bệnh

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng, điều trị phù hợp với các bệnh nội khoa, ngoại khoa có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên;

- Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên;

- Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án nội, ngoại khoa thành thực.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh;

- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;

- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;

- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Các phòng bệnh tại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc: Các loại máy móc phục vụ học tập: Các máy tại cơ sở thực tập: điện tim, Mornitor, máy tính,..

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu học tập;

- Ống nghe, đồng hồ đeo tay

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nội khoa người lớn, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Ý thức, thái độ	Quy chế đào tạo	10%

2	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tại các khoa thực tập.	20%
3	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (trung bình cộng điểm của các giảng viên)	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
4	Làm báo cáo thực tập lâm sàng nghề nghiệp	Bắt buộc tham gia	60%

IV. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá SV, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

- + Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.
- + Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.
- + Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1 buổi.
- + Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.
- + Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

1.17. Khóa luận tốt nghiệp

Tên mô đun: KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mã mô đun: MĐ 29

Thời gian thực hiện mô đun: 300 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 285 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Học kỳ 6

- Tính chất:

+ Điều kiện tiên quyết: hoàn thành chương trình mô đun.

+ Là môn học bắt buộc.

II. Mục tiêu mô đun: Học xong mô đun này, người học có khả năng:

- *Kiến thức*: Là nội dung trình bày trong quyển khóa luận tốt nghiệp, tùy từng đề tài nghiên cứu của người học. Thể hiện hết những vấn đề đã học của học viên.

- *Kỹ năng*:

+ Hoàn thiện các kỹ năng chăm sóc sức khỏe người bệnh.

+ Nâng cao được trình độ chuyên môn, chuyên sâu trong lĩnh vực đề tài nghiên cứu trong khóa luận.

+ Quản lý người bệnh áp dụng cho từng đối tượng cụ thể.

+ Hoàn thành kỹ năng mềm trong các vấn đề liên quan đến chăm sóc người bệnh.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Thể hiện khả năng trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm trong nghề nghiệp. Có hướng giải quyết đúng đắn khi gặp các bệnh thông thường và phức tạp.

III. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Cơ sở y tế thực hành, bệnh viện thực hành.

2. Trang thiết bị máy móc: Trang thiết bị y tế tại cơ sở y tế, bệnh viện.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tranh ảnh, mô hình, các phần mềm, dụng cụ y tế (liên quan đến thực tập)

IV. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Từ đợt thực tập thực hành nghề nghiệp kết hợp với khóa luận tốt nghiệp, giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng tại bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của người y sĩ trong bệnh viện và y tế cơ sở, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho từng đối tượng cụ thể; mô tả và quản lý sức khỏe tại cộng đồng; mô tả và đánh giá được qui trình khống chế nhiễm khuẩn tại bệnh viện, tại cộng đồng, ... Đồng thời đây còn là tiền đề để các học viên nghiêm túc với nghề, có nhiệt huyết, đam mê để theo đuổi theo con đường mà mình đã chọn.

- Về kỹ năng:

+ Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để thực hiện đề tài khóa luận.

+ Có thể áp dụng vấn đề nghiên cứu trong đề tài vào thực tiễn, giải quyết tồn đọng nếu có, phát triển những vấn đề liên quan tốt hơn và tạo ra những tiền đề mới giúp cho cán bộ y sĩ, phát triển cộng đồng.

+ Tích lũy kỹ năng mềm trong thực tiễn để hỗ trợ cho công việc sau này.

- Thái độ: : Thể hiện sự nghiêm khắc với bản thân, có tinh thần nhiệt huyết, tận tụy với nghề để từ đó tạo ra sự đam mê đích thực, phát triển theo hướng đúng với ngành nghề đã chọn đóng góp cho cộng đồng

2. Phương pháp, đánh giá:

- Áp dụng kiến thức chuyên môn đã học vào từng giờ thực hiện đề tài.

- Phương pháp so sánh

- Phương pháp thảo luận nhóm

- Phương pháp thực hành, luyện tập, phân tích

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: học kỳ 6 năm thứ 3, sau khi sinh viên hoàn thành chương trình.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên/ giảng viên: hướng dẫn sinh viên thực hiện khóa luận.

- Đối với người học: chủ động, tích cực hoàn thành khóa luận theo đề tài đã chọn.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Đánh giá mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng tại cơ sở y tế, bệnh viện.

- Chức năng nhiệm vụ, vai trò của người y sĩ trong cơ sở y tế, bệnh viện.

- Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho từng đối tượng cụ thể

- Quy trình khống chế nhiễm khuẩn tại bệnh viện.

- Thực hiện các quy trình kỹ thuật chăm sóc sức khỏe cho người bệnh.

4. Môđđun/môn học tự chọn

4.1. Lâm sàng phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

Tên mô đun: LÂM SÀNG PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Mã mô đun: MĐ 26

Số tín chỉ: 2(0-2-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 55 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: là mô đun tự chọn trong chương trình đào tạo
- Tính chất: Thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh chuyên ngành PHCN dựa vào cộng đồng;
- Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi lên kế hoạch thăm khám điều trị và phòng bệnh;
- Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám người bệnh.

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng và điều trị phù hợp có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên.
- Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên.
- Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án PHCN hoàn chỉnh.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh;

- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Trung tâm cấp cứu, cơ sở y tế ban đầu
2. Trang thiết bị máy móc: Máy hút đờm, máy đo huyết áp, bộ cố định gãy xương, bộ garo cầm máu, bộ dụng cụ mở miệng...
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Người bệnh.
4. Các điều kiện khác:
 - Các nhóm sinh viên thực tập tại các đơn vị cấp cứu được phân công và thực hiện các kỹ thuật dưới sự giám sát, giúp đỡ của cán bộ hoặc giáo viên lâm sàng;
 - Đầy đủ trang phục theo quy định;
 - Sinh viên phải có Smartphone và truy cập được internet.

IV. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nội khoa người lớn, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Ý thức, thái độ	Quy chế đào tạo	10%
2	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tại các khoa thực tập. (Hệ số 1)	10%
3	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (trung bình cộng điểm của các giảng viên)	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định. (Hệ số 2)	20%

4	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%
---	--------------	---	-----

V. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:* Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng Y sỹ

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:*

- Đối với giáo viên, giảng viên:

Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá SV, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm

- Đối với sinh viên:

- + Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập;
- + Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện;
- + Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1 buổi;
- + Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần;
- + Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

4.2. Lâm sàng bệnh chuyên khoa

Tên mô đun: LÂM SÀNG BỆNH CHUYÊN KHOA

Mã mô đun: MĐ 25

Số tín chỉ: 3 (0-3-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thảo luận/Thực hành/Bài tập: 85 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Lâm sàng bệnh chuyên khoa là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Đây là mô đun chuyên ngành, thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt một cách thành thạo.

Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi thăm khám và điều trị NB mắc bệnh mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt thường gặp.

Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám, điều trị người bệnh.

2.2. Kỹ năng:

Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng và điều trị phù hợp với các bệnh mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên.

Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên.

Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án nhãn khoa, tai mũi họng, răng hàm mặt hoàn chỉnh.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và điều trị bệnh.

Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả.

Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục.

Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Thực hành tại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc: Trang thiết bị máy móc tại các phòng bệnh trong bệnh viện: Các máy tại cơ sở thực tập: Máy nội soi, máy sinh hiển vi, ghế răng, máy tính,...

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nhãn khoa, răng hàm mặt, tai mũi họng, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp

- Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập);
- Điểm bài tập (Làm bệnh án) (*trung bình cộng điểm của các giảng viên*).
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:
Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá sinh viên, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với sinh viên:

- + Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.
- + Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.
- + Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1 buổi.
- + Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.
- + Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định